

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/DS-ST  
Ngày 25-04-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

*Các Hội Thẩm nhân dân:*

Ông Đào Khel

Bà Nguyễn Bạch Nhạn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Phạm Thúy Trang.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 65/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng cầm cố theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S tiền có ngay. Trụ sở: A N, Phường B, Thành phố V, Tỉnh Nghệ An.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Võ Anh H, sinh năm: 1997 (có mặt). Địa chỉ liên hệ: 47 Lê Hồng P, Khóm E, Phường C, Thành phố S, Tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Quyết định số 289/2023/UQ-SVN ngày 01/10/2023 của Giám đốc về việc Ủy Quyền thực hiện hoạt động tố tụng).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số E, đường số C, Khu dân cư L, Khóm A, Phường C, thành phố S, Tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2024 của nguyên đơn Công ty Cổ phần S tiền có ngay, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Võ Anh H trình bày:

Vào ngày 23/03/2023 ông Nguyễn Văn T có đến Chi nhánh S1 của Công ty tại địa chỉ: Số D L, Khóm E, Phường C, Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: STM230301023NA22X được ký giữa các bên ngày 23/03/2023 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: 1492941883 theo web: HYPERLINK "<https://dktructuyen.moj.gov.vn/>" <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>hì ông Nguyễn Văn T có cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS 83P4-504.37; Loại xe HONDA SH MODE 125 màu: xám đen; Số khung RLHJK0101NZ115674, - số máy JK01E0353095; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003827 Do Công an tỉnh S cấp ngày 15/09/2022. Để lấy số tiền là 37.400.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 24 tháng (từ 23/03/2023 - 23/03/2025) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông T. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Nguyễn Văn T mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 23/03/2023 đến 23/04/2023 địa điểm trả xe là tại chi nhánh S1. Ông Nguyễn Văn T có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”. Quá trình trả nợ, ông Nguyễn Văn T chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 132 ngày, ông Nguyễn Văn T không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Nguyễn Văn T tại địa chỉ: Số E, đường số C, Khu dân cư L, Khóm A, Phường C, thành phố S, Tỉnh Sóc Trăng nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông Nguyễn Văn T trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty, nhưng ông Nguyễn Văn T không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty. Nay Công ty Cổ phần SAWAD tiền có ngay yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh S1 Công ty Cổ phần SAWAD tiền có ngay theo Hợp đồng cầm cố số STM230301023NA22X, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh S1 Công ty Cổ phần SAWAD tiền có ngay ngày 23/03/2023 số tiền 51.364.000 đồng (Năm mươi một triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng) tạm tính đến ngày 02/01/2024 bao gồm: Gốc: 32.113.000 đồng; Lãi: 7.064.000 đồng; Phí: 7.823.000 đồng (3.5%/ tháng); P1 theo dõi: 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Trường hợp ông Nguyễn Văn T không có khả năng trả nợ buộc ông Nguyễn Văn T phát mãi tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 23/03/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại đơn yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 02/3/2024 và tại phiên tòa ông H trình bày: Nay nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh S1 Công ty Cổ phần SAWAD tiền có ngay theo Hợp đồng cầm cố số STM230301023NA22X, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh S1 Công ty Cổ phần SAWAD tiền có ngay tạm tính đến ngày 25/4/2024 bao gồm: Gốc: 32.113.000 đồng; Lãi: 3.250.000 đồng tổng cộng: 35.363.000 đồng và xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản cầm cố, xin rút yêu cầu tính phí 7.823.000

đồng, phí theo dõi: 300.000 đồng và tự nguyện trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003827 do Công an tỉnh S cấp ngày 15/09/2022 cho ông Nguyễn Văn T, khi ông T thanh toán hết nợ gốc và lãi cho nguyên đơn.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không phản đối những tình tiết sự kiện mà nguyên đơn đưa ra.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T.

[1.2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vay và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh S1 Công ty Cổ phần S tiền có ngay theo Hợp đồng cầm cố số STM230301023NA22X, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh S1 Công ty Cổ

phần SAWAD tiền có ngay ngày 23/03/2023 tạm tính đến ngày 25/4/2024 bao gồm: Gốc: 32.113.000 đồng; Lãi: 3.250.000 đồng, tổng cộng: 35.363.000 đồng và xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản cầm cố, xin rút yêu cầu tính phí 7.823.000 đồng, phí theo dõi: 300.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện không vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu và việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[2] Về nội dung: Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Công ty Cổ phần S tiền có ngay và ông Nguyễn Văn T có giao kết hợp đồng số: STM230301023NA22X được ký giữa các bên ngày 23/03/2023 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: 1492941883 theo web: [HYPERLINK "https://dktructuyen.moj.gov.vn/"](https://dktructuyen.moj.gov.vn/) <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> thì ông Nguyễn Văn T có cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS 83P4-504.37; Loại xe HONDA SH MODE 125 màu: xám đen; Số khung RLHJK0101NZ115674, - số máy JK01E0353095; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003827 do Công an tỉnh S cấp ngày 15/09/2022. Để lấy số tiền là 37.400.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 24 tháng (từ 23/03/2023 - 23/03/2025) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông T. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Nguyễn Văn T mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 23/03/2023 đến 23/04/2023 địa điểm trả xe là tại chi nhánh S1. Quá trình trả nợ, ông Nguyễn Văn T chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng, ông Nguyễn Văn T không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty, còn nợ lại số tiền gốc 32.113.000 đồng.

[3] Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T không trả tiền gốc và lãi cho Công ty khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ theo giao kết trong hợp đồng cầm cố, đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản và Điều 4 của phụ lục hợp đồng mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn Công ty yêu cầu bị đơn ông T phải trả cho Công ty số tiền gốc còn nợ 32.113.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 309, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.



[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại hợp đồng cầm cố tài sản số STM230301023NA22X được ký giữa các bên ngày 23/03/2023 giữa Công ty và ông T đã giao kết mức lãi suất là 1,1%/tháng; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Do đó, mức lãi suất của hợp đồng các bên đã ký kết là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP01/7/2016 của Chính phủ, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã giao kết. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, ông T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền lãi trong hạn theo giao kết của hợp đồng đến ngày 25/4/2024 với số tiền là 3.250.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc lãi, chuyển nợ quá hạn tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Như vậy, bị đơn ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 32.113.000 đồng, tiền lãi trong hạn theo giao kết trong hợp đồng đến ngày 25/4/2024 là 3.250.000 đồng, tổng cộng là 35.363.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trường hợp ngay sau khi ông T thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi sẽ giao trả lại cho ông T bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003827 do Công an tỉnh S cấp ngày 15/09/2022 đứng tên Nguyễn Văn T đối với xe mô tô hai bánh BKS 83P4-504.37; loại xe HONDA SH MODE 125 màu: xám đen; Số khung RLHJK0101NZ115674, số máy JK01E0353095 đứng tên Nguyễn Văn T nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[7]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 1.768.150 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, các Điều 92; Điều 95, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244; Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

**Áp dụng** Điều 280, Điều 309, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản là xe mô tô hai bánh BKS 83P4-504.37; loại xe HONDA SH MODE 125 màu: xám đen; số khung RLHJK0101NZ115674, số máy JK01E0353095 đứng tên **Nguyễn Văn T**; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003827 do **Công an tỉnh S** cấp ngày 15/09/2022 đứng tên **Nguyễn Văn T**; khoản phí 7.823.000 đồng (3,5%/tháng) và phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày ông **T** vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay.

3. Buộc bị đơn ông **Nguyễn Văn T** có trách nhiệm thanh toán cho **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay số tiền vốn và lãi còn nợ tổng cộng là: 35.363.000 đồng. Trong đó: Gốc: 32.113.000 đồng; lãi 3.250.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày **Công ty cổ phần B** Tổ tụng dân sự năm 2015 tiền có ngay có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông **Nguyễn Văn T** phải trả lãi cho **Công ty cổ phần S2** Có Ngay đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Ngay sau khi ông **Nguyễn Văn T** thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì **Công ty cổ phần S2** có trách nhiệm trả lại cho ông **T** bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003827 do **Công an tỉnh S** cấp ngày 15/09/2022 đứng tên **Nguyễn Văn T** đối với xe mô tô hai bánh BKS 83P4-504.37; loại xe HONDA SH MODE 125 màu: XÁM, ĐEN; Số khung RLHJK0101NZ115674, số máy JK01E0353095 đứng tên **Nguyễn Văn T**.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn **Công ty Cổ phần S** tiền có ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.284.000 đồng theo biên lai thu số **0001473 ngày 02/02/2024** của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông **Nguyễn Văn T** phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 1.768.150 đồng.

6. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- **Chi cục THADSTPST;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bích Tuyên**